

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 04-7-2018

V/v *Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tòng.

Các Thẩm phán:

1. Bà Lưu Ánh Nguyệt;

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”; do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 31/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ**; sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã A, huyện T1, tỉnh T (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã A, huyện T1, tỉnh T (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn- ông Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L chung sống năm 1994 và đăng ký kết hôn ngày 30/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T1, tỉnh T và sống tại nhà riêng trên phần đất cha mẹ ông cho. Từ năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tài chính, bà L tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp vay tiền. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Ông bà có ba con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh năm 1996 hiện đã có gia đình; Nguyễn Hiếu N sinh ngày 18/11/2006 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/11/2015 hiện đang sống cùng ông bà. Ông yêu cầu được nuôi 02 cháu Hân và Phát, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông rút lại yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận. Nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà Thống nhất với lời trình bày của ông Đ về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà yêu cầu được đoàn tụ vì vẫn còn thương chồng con.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T, đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Không giải quyết;

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ;

Về nợ chung: Không giải quyết;

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/4/2018, ông Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị L; về con chung: con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu được ly hôn. Bà Nguyễn Thị L không đồng ý ly hôn. Ông bà cũng không thỏa thuận được với nhau về vấn đề nuôi con và tài sản là nhà ở.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

+ Về nội dung: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống năm 1994 và đăng ký kết hôn ngày 30/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T1, tỉnh T; có ba con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh năm 1996 hiện đã có gia đình; Nguyễn Hiếu N sinh ngày 18/11/2006 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/11/2015 hiện đang sống cùng ông Đ bà L.

[2] Theo hợp đồng tín dụng số 5701-HLV ngày 19/7/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Khu công nghiệp Trảng Bàng, Tây Ninh thì bà L, ông Đ đã ký hợp đồng xin vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, mục đích sử dụng vào việc phục vụ nhu cầu của gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Đ không có yêu cầu xử lý hợp đồng tín dụng đối với bà L. Đến ngày 06/02/2018, ông bà đã tất toán khoản nợ trên. Nên việc ông Đ trình bày bà L vay tiền để tiêu xài cá nhân và dùng vào việc đánh bạc là không có căn cứ chứng minh.

[3] Qua các biên bản xác minh những dân sống liền kề nhà ông Đ bà L thì những người này đều xác định ông Đ bà L hiện đang sống chung nhà và không có mâu thuẫn nghiêm trọng.

[3] Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Đ bà L không nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng đang tồn tại nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đ là đánh giá toàn diện khách quan vụ án.

[4] Ông Đ kháng cáo yêu cầu được ly hôn với bà L nhưng không đưa ra được chứng cứ mới để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[6] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Không giải quyết

3. Tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 5.800.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009564 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T. Hoàn trả cho ông Đ số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ghi nhận ông Đ đã đóng đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009928 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tòng